TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **98**/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 02 tháng 04 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 68/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Xuân B,** sinh năm: 1987;

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

+ Người yêu cầu: Bà **Dương Thị Kim H**, sinh năm: 1987;

Trú tại: Tổ 3 Tân Thuận, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2010, cấp ngày 04/03/2010. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H xác định: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên từ đó xảy ra cãi vã, xô xát với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Nay ông B và bà H đều xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên có nguyện vọng yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông B và bà H lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông B và bà H đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông B và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông B và bà H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H xác định có 01 con chung là: Nguyễn Dương Thùy T– sinh ngày 29/04/2010. Ly hôn, ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H thỏa thuận thống nhất giao con chung cho bà Dương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Xuân B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 04/2019. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007687 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 03 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H**.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H nên Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/3/2010 không còn giá trị pháp lý).*

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H xác định có 01 con chung là: Nguyễn Dương Thùy T– sinh ngày 29/04/2010. Ly hôn, ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H thỏa thuận thống nhất giao con chung cho bà Dương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Xuân B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 04/2019.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng Ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị Kim H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007687 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM